TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK MIL** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST
Ngày 15/5/2019
Về việc: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Minh

Các Hội thẩm nhân dân: bà Phạm Thị Hồng và ông Nguyễn Văn Đợi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 264/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2018 về việc Xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXX-ST ngày 03 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Tưởng Thị B, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn E, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đức A, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn 05, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 28/9/2018, lời khai của chị Tưởng Thị B trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa:

Về hôn nhân: chị Tưởng Thị B và anh Nguyễn Đức A kết hôn với nhau vào ngày 12/9/2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc. Trong quá trình sống chung, chị B và anh Anh thường xuyên cải nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng anh chị xảy ra mâu thuẫn từ khi sinh con và ly thân được gần hai năm nay. Vì thấy hết tình cảm với nhau nên chị B yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị B được ly hôn với anh Anh.

Về con chung: Chị Tưởng Thị B và anh Nguyễn Đức A có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức Minh Khang, sinh năm 02/6/2017. Từ khi chị B và anh Anh ly thân, cháu Khang ở với chị B nên chị B có nguyện vọng nuôi con chung và không yêu cầu anh Nguyễn Đức A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

- *Đối với anh Nguyễn Đức A.* Trong quá trình giải quyết vụ án, tất cả các văn bản của Tòa án đều được tống đạt hợp lệ cho anh Anh, nhưng anh Anh không đến Tòa án làm việc. Nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã phối hợp với chính quyền địa phương lập biên bản về việc không tống đạt được văn bản của Tòa án và niêm yết theo quy định của pháp luật để làm căn cứ cho việc giải quyết vụ án.

- *Kết quả thu thập chứng cứ:*

Tại biên bản xác minh ngày 03/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đối với chị Nguyễn Thị A là chị gái của anh Nguyễn Đức A, tại địa phương, chị Nguyễn Thị A cung cấp: Sau khi kết hôn thì anh Anh và chị B chung sống cùng bố mẹ của anh Anh tại thôn 01, xã Đắk Rla, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông, sau khi sinh con chung thì anh A và chị B xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn thì chị Anh không nắm rõ. Đến cuối năm 2017 thì anh Anh và chị B ly thân cho đến nay. Hiện nay Anh Nguyễn Đức A hiện nay đang sinh sống cùng chị Nguyễn Thị A tại thôn 05, xã Đắk Rla, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà xác định việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm nguyên đơn đã tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật đối với bị đơn không hợp tác, không chấp hành đúng theo quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân chấp nhận đơn khởi kiện của chị Tưởng Thị B. Chị Tưởng Thị B được ly hôn với anh Nguyễn Đức A. Về con chung giao cháu Nguyễn Đức Minh Khang, sinh ngày 02/6/2017 cho chị Tưởng Thị B là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, cho đến khi cháu Nguyễn Đức Minh K đủ 18 tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con do không yêu cầu nên không đề cập giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không đề cập giải quyết.

- Về án phí: Chị Tưởng Thị B nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng:*** Đây là vụ án xin ly hôn, bị đơn là anh Nguyễn Đức A có địa chỉ tại thôn 05, xã Đắk Rla, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông. Nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý là đúng quy định tại Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Đức A, trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Đức A vắng mặt nên Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ nhưng không tiến hành hòa giải được; ngày 01/4/2019 Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã thông báo cho anh Nguyễn Đức A biết toàn bộ nội dung kết quả mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 210 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử, mặc dù đã hai lần được Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil triệu tập tham gia phiên tòa nhưng chị Nguyễn Đức A vắng

mặt không có lý do chính đáng gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Mặt khác sự vắng mặt của anh Nguyễn Đức A đã không cung cấp được cho Tòa án chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và phản bác lại đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Vì vậy, theo quy định tại khoản 4 Điều 91 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, anh Nguyễn Đức A phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil tiến hành mở phiên tòa để xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là anh Nguyễn Đức A là phù hợp.

[2] ***Xét yêu cầu của nguyên đơn chị Tưởng Thị B:***

[2.1] *Về hôn nhân:* Chị Tưởng Thị B và anh Nguyễn Đức A khi lấy nhau có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận kết hôn số 87, ngày 12/9/2016. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, quá trình chung sống hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn và đã ly thân với nhau một thời gian khá dài nên không còn khả năng đoàn tụ. Trong quá trình lấy lời khai tại Tòa án, chị B cũng thừa nhận, vợ chồng anh chị không còn tình cảm với nhau, không muốn tiếp tục chung sống với nhau nữa và muốn được ly hôn để ổn định cuộc sống vì hôn nhân vợ chồng không đạt được mục đích.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn phát sinh từ lâu nhưng cả hai không tìm ra được giải pháp khắc phục. Anh chị đã không còn tin tưởng, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, không có khả năng đoàn tụ, hôn nhân của anh chị thật sự không đạt được mục đích. Do vậy, Hội đồng xét xử nghĩ cần căn cứ vào Điều 51; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của chị B và giải quyết cho chị Tưởng Thị B được ly hôn với anh Nguyễn Đức A.

[2.2] *Về con chung:* Giao cháu Nguyễn Đức Minh K, sinh ngày 02/6/2017 cho chị Tưởng Thị B được trực tiếp nuôi dưỡng trông nom, chăm sóc, giáo dục, đến khi cháu Nguyễn Đức Minh K đủ 18 tuổi trưởng thành. Anh Nguyễn Đức A được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, chị Tưởng Thị B không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục con chung.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] *Về án phí:* Chị Tưởng Thị B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên toà là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 51; Điều 56 của

Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Tưởng Thị B, chị Tưởng Thị B được ly hôn với anh Nguyễn Đức A.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đức Minh K, sinh ngày 02/6/2017 cho chị Tưởng Thị B được trực tiếp nuôi dưỡng trông nom, chăm sóc, giáo dục, đến khi cháu Nguyễn Đức Minh K đủ 18 tuổi trưởng thành. Anh Nguyễn Đức A được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, chị Tưởng Thị B không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục con chung.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết. Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng hoặc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định các Điều 84; Điều 110; Điều 117; Điều 118 và Điều 119 Luật HNGĐ năm 2014.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Tưởng Thị B phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003318 ngày 21/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện Đắk Mil;
- UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Trần Đình Minh